

kinh nghiệm cho các đối tượng tham gia dự án. Tổ chức mua sắm hàng hóa, vật tư, phương tiện, nguyên liệu, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ theo quy định của pháp luật để thực hiện dự án.

e) Bước 6: Kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện dự án

Cơ quan quản lý dự án phối hợp UBND cấp xã nơi có dự án thực hiện kiểm tra, giám sát trong thời gian thực hiện dự án.

Nội dung: kiểm tra, giám sát việc thực hiện các khâu kỹ thuật, kinh doanh, dịch vụ của các hộ tham gia dự án, đánh giá tình hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; có biện pháp xử lý, hỗ trợ kịp thời cho người dân nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

Thành phần tham gia kiểm tra, giám sát: đại diện cơ quan quản lý dự án; đại diện đơn vị chủ trì liên kết; đại diện UBND cấp xã nơi triển khai dự án, đại diện hộ dân tham gia dự án.

Đơn vị chủ trì liên kết báo cáo kết quả thực hiện với cơ quan quản lý dự án. Cơ quan quản lý dự án nghiệm thu từng phần hoặc toàn bộ dự án theo nội dung đã ký kết trong hợp đồng, giải ngân vốn hỗ trợ từ ngân sách dựa trên kết quả nghiệm thu tiến độ hoàn thành dự án.

Điều 4. Mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Mẫu hồ sơ: thực hiện theo Phụ lục II kèm theo Quyết định này, gồm:

a) Biên bản họp dân (Mẫu số 01) kèm theo danh sách tham gia dự án, phương án (gọi chung là dự án).

b) Bản cam kết của cá nhân, hộ gia đình tham gia dự án (Mẫu số 02).

c) Đơn đề nghị hỗ trợ dự án phát triển sản xuất cộng đồng của đại diện cộng đồng (Mẫu số 03).

d) Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (Mẫu số 04).

đ) Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (Mẫu số 05)

2. Trình tự, thủ tục

a) Bước 1: Thông báo công khai kế hoạch

Phòng Lao động - Thương binh và xã hội (Cơ quan được UBND cấp huyện giao nhiệm vụ quản lý dự án) thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan trong thời gian tối thiểu 10 ngày.

b) Bước 2: Xây dựng hồ sơ đề nghị dự án

Cộng đồng dân cư tổ chức họp dân, lựa chọn dự án, lựa chọn cá nhân, hộ gia đình

tham gia dự án, cử người đại diện cho cộng đồng dân cư (theo Mẫu số 01).

Đại diện cộng đồng dân cư (gọi tắt là Tổ trưởng tổ dự án) lập hồ sơ đề nghị dự án phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo các biểu mẫu từ Mẫu số 01 đến Mẫu số 04 của Phụ lục II kèm theo Quyết định này;

Người đại diện cộng đồng nộp 01 bộ hồ sơ đề xuất dự án đến cơ quan quản lý dự án (Phòng Lao động - Thương binh và xã hội). Hình thức nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc nộp gián tiếp thông qua dịch vụ bưu chính khi có yêu cầu.

c) Bước 3: Thẩm định dự án

Trong thời hạn 05 ngày làm việc từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan quản lý dự án tham mưu trình UBND cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị thành lập Tổ thẩm định, UBND cấp huyện ban hành quyết định thành lập Tổ thẩm định. Tổ trưởng là lãnh đạo cơ quan quản lý dự án; các thành viên Tổ thẩm định là các lãnh đạo UBND cấp xã nơi có dự án/phương án/dịch vụ của cộng đồng; lãnh đạo phòng, ban chuyên môn cấp huyện: Tài chính - Kế hoạch, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kinh tế; các phòng ban chuyên môn khác và chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (nếu cần thiết).

Tổ thẩm định có trách nhiệm thẩm định hồ sơ trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi có quyết định thành lập.

Nội dung thẩm định: thẩm định thành phần hồ sơ và điều kiện hỗ trợ dự án được quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương; sự cần thiết thực hiện dự án; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, hàng hóa, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước; chế tài xử lý và giải pháp tài chính xử lý trong trường hợp Tổ trưởng tổ dự án hoặc cá nhân, hộ gia đình tham gia dự án vi phạm cam kết và phương án tài chính xử lý rủi ro (nếu có).

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, Tổ thẩm định ban hành báo cáo thẩm định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Tổ thẩm định trả lời bằng văn bản cho cơ quan quản lý dự án; cơ quan quản lý dự án trả lời đại diện tổ cộng đồng bằng văn bản.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc từ khi nhận được báo cáo của Tổ thẩm định, Cơ quan quản lý dự án đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét phê duyệt.

d) Bước 4: Phê duyệt dự án

Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được tờ trình đề nghị phê duyệt dự án, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định (hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc UBND cấp huyện/Chủ tịch UBND cấp xã) phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (Mẫu số 05).

Người đại diện cộng đồng nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc nhận gián tiếp thông qua dịch vụ bưu chính khi có yêu cầu.

đ) Bước 5: Ký hợp đồng, tổ chức thực hiện dự án

Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ khi có Quyết định phê duyệt dự án của UBND cấp huyện. Cơ quan quản lý dự án thực hiện ký hợp đồng thực hiện dự án với đại diện cộng đồng.

UBND cấp xã nơi có dự án và đại diện cộng đồng triển khai tổ chức thực hiện dự án. Bồi dưỡng kiến thức, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật (nếu có), hỗ trợ kỹ thuật, phổ biến kinh nghiệm cho các đối tượng tham gia dự án. Tổ chức mua sắm hàng hóa, dịch vụ, vật tư, phương tiện, nguyên liệu, con giống, cây trồng, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ theo quy định và thực hiện cấp phát cho đối tượng tham gia dự án.

e) Bước 6: Kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện dự án

Cơ quan quản lý dự án phối hợp với UBND cấp xã nơi có dự án thực hiện kiểm tra, giám sát trong suốt thời gian thực hiện dự án. Thành phần tham gia kiểm tra, giám sát: đại diện cơ quan quản lý dự án; đại diện đơn vị chủ trì liên kết thực hiện dự án; đại diện lãnh đạo UBND cấp xã nơi triển khai dự án.

Nội dung kiểm tra, giám sát: việc thực hiện các khâu kỹ thuật, kinh doanh, dịch vụ của các hộ tham gia dự án, đánh giá tình hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; có biện pháp xử lý, hỗ trợ kịp thời cho người dân nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

Tổ trưởng tổ dự án báo cáo kết quả thực hiện với cơ quan quản lý dự án. Cơ quan quản lý dự án nghiệm thu từng phần hoặc toàn bộ dự án theo nội dung đã ký kết trong hợp đồng, giải ngân vốn hỗ trợ từ ngân sách dựa trên kết quả nghiệm thu tiến độ hoàn thành dự án.

Điều 5. Cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.**1. Nguyên tắc thực hiện**

a) Việc quay vòng một phần vốn đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, hiệu quả của nguồn vốn và phù hợp với từng dự án trên địa bàn.

b) Đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ trong thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn ngân sách nhà nước đã hỗ trợ để luân chuyển trên địa bàn thực hiện dự án.

2. Hình thức thu hồi một phần vốn: bằng tiền.

3. Tỷ lệ thu hồi vốn quay vòng: tối thiểu 10% tổng kinh phí từ ngân sách nhà nước hỗ trợ cho đối tượng tham gia dự án.

4. Thời gian thu hồi: Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày kết thúc dự án.

5. Quản lý và sử dụng vốn quay vòng

- Cơ quan quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc nhà nước để thu hồi kinh phí quay vòng.

- Sau khi kết thúc chu kỳ sản xuất/kinh doanh/dịch vụ theo quy định trong Quyết định phê duyệt dự án, hộ dân, cá nhân có thu nhập từ sản phẩm, dịch vụ được hỗ trợ vốn có trách nhiệm nộp tiền quay vòng vốn theo quy định tại khoản 3 Điều này cho Tổ trưởng tổ dự án.

Tổ trưởng tổ dự án có trách nhiệm nộp số tiền quay vòng vào tài khoản tiền gửi tại Kho bạc của cơ quan quản lý dự án.

- Cơ quan quản lý dự án thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng cho đối tượng (mới) của cộng đồng tham gia dự án nhưng không vượt quá mức hỗ trợ tối đa do cấp có thẩm quyền quy định.

Trường hợp dự án kết thúc và đối tượng tham gia dự án cộng đồng không còn nhu cầu sử dụng vốn (từ nguồn vốn quay vòng) thì cơ quan quản lý dự án nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

- Cơ quan quản lý dự án quyết toán nguồn vốn quay vòng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

6. Theo dõi, giám sát vốn quay vòng

- UBND cấp huyện giao nhiệm vụ cho Cơ quan quản lý dự án phối hợp với UBND cấp xã nơi tổ chức thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo dõi, kiểm tra, đánh giá hoạt động quản lý, tổ chức quay vòng, thu hồi vốn, luân chuyển trong cộng đồng của từng dự án trên địa bàn.

- Cộng đồng dân cư được tham gia dự án tổ chức theo dõi, giám sát việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng.

- Trường hợp trong quá trình triển khai dự án phải tạm dừng, hủy bỏ hoặc triển khai không có hiệu quả do các nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân bất khả kháng) dẫn đến không có thu nhập theo kế hoạch, Tổ trưởng tổ dự án báo cáo UBND cấp xã và cơ quan quản lý dự án tiến hành lập biên bản, xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm, đánh giá, thẩm định mức độ thiệt hại.

Cơ quan quản lý dự án trình UBND cấp huyện xem xét, quyết định gia hạn thu hồi, điều chỉnh tỷ lệ thu hồi hoặc miễn thu hồi vốn quay vòng cụ thể như sau:

- Dự án bị thiệt hại trên 70% do nguyên nhân khách quan thì không thu hồi vốn quay vòng.

- Dự án bị thiệt hại từ 50 % - 70% do nguyên nhân khách quan thì thu hồi vốn quay vòng bằng 30% tỷ lệ thu hồi vốn quay vòng được quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quyết định này và gia hạn thêm thời gian thu hồi nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc dự án.

- Dự án bị thiệt hại dưới 50% do nguyên nhân khách quan thì thu hồi vốn quay vòng bằng 50% tỷ lệ thu hồi vốn quay vòng được quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quyết định này và gia hạn thêm thời gian thu hồi nhưng không quá 05 tháng kể từ ngày kết thúc dự án.

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND cấp huyện theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn các nội dung liên quan đến việc thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị không thuộc lĩnh vực nông nghiệp, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và cơ chế quay vòng vốn.

- Tổng hợp báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh về các dự án giảm nghèo và cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phân bổ kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách tỉnh và vốn đối ứng từ các địa phương để thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo hàng năm.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, hướng dẫn UBND cấp huyện thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan

Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao có

trách nhiệm phối hợp UBND cấp huyện, UBND cấp xã hướng dẫn, thẩm định, kiểm tra đánh giá, giám sát các tổ chức, cá nhân thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

Điều 10. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

- Căn cứ dự toán của UBND tỉnh giao để bố trí, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức thẩm định, phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND cấp xã tổ chức thực hiện có hiệu quả các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và cơ chế quay vòng vốn.

- Tổng hợp báo cáo định kỳ và đột xuất (nếu có) kết quả thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo trên địa bàn; báo cáo kết quả hoạt động quay vòng một phần vốn ngân sách nhà nước đã hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng.

Điều 11. Trách nhiệm của UBND cấp xã

- Phối hợp chỉ đạo, triển khai thực hiện dự án giảm nghèo trên địa bàn. Đôn đốc, hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án thực hiện cơ chế quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng đúng tỷ lệ, đúng thời hạn theo dự án đã được phê duyệt.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo việc thực hiện dự án và thực hiện cơ chế quay vòng vốn trên địa bàn; kịp thời kiến nghị UBND cấp huyện và cơ quan quản lý dự án các khó khăn vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện.

Điều 12. Trách nhiệm của cộng đồng, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án

- Cộng đồng tham gia dự án tổ chức thực hiện dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt, thực hiện cơ chế quay vòng vốn theo quy định. Báo cáo định kỳ 6 tháng (vào ngày 20 tháng 6 hàng năm) và báo cáo năm (vào ngày 20 tháng 12 hàng năm) và báo cáo tổng kết dự án gửi UBND cấp xã để tổng hợp báo cáo UBND cấp huyện.

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án cam kết thực hiện đầy đủ nội dung, quy định của dự án, trong đó có cam kết hoàn trả một phần vốn quay vòng cho cơ quan quản lý dự án để thực hiện luân chuyển vốn trong cộng đồng (đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng) theo quy định.

Điều 13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

- Tổ chức tuyên truyền, vận động, giám sát việc thực hiện Chương trình mục tiêu

quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2024 -ác hoạt động tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân thi đua hưởng ứng, tham gia thực hiện các chương trình giảm nghèo bền vững.

- Giám sát công tác tổ chức thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quy định này có thay đổi, bổ sung, điều chỉnh trong quá trình thực hiện thì áp dụng theo quy định của văn bản mới.

2. Trong quá trình thực hiện có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo kịp thời về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC I
Mẫu hồ sơ hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị
*(Kèm theo Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 20/9/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*

Mẫu số 01	Đơn đề nghị phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị
Mẫu số 02	Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị
Mẫu số 03	Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết
Mẫu số 04	Bản cam kết đảm bảo các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường
Mẫu số 05	Biên bản về việc hợp tác thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị
Mẫu số 06	Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

Mẫu số 01

**TÊN ĐƠN VỊ
CHỦ TRÌ LIÊN KẾT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

Kính gửi: (Tên UBND cấp huyện và cơ quan quản lý dự án).....

I. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

Tên đơn vị chủ trì kết (Doanh nghiệp, Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã):.....

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:.....

Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Căn cứ Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về nội dung, định mức hỗ trợ thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của UBND tỉnh Bình Dương về việc Ban hành Quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2024 – 2025.

(Tên đơn vị chủ trì liên kết)..... đề nghị (tên UBND cấp huyện thẩm định, xem xét phê duyệt Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị như sau:

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ, ĐỊA BÀN, QUY MÔ, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Loại sản phẩm, dịch vụ liên kết:

3. Địa bàn thực hiện:
4. Quy mô liên kết:
5. Tiến độ thực hiện dự kiến: từ ngàytháng ...nămđến ngàytháng ...năm....

III. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ VỐN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Nội dung hỗ trợ chi tiết ((*thuyết minh chi tiết nội dung, mức kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước*):

2. Tổng kinh phí thực hiện dự án:.....

Trong đó: Vốn ngân sách nhà nước:.....

Vốn của đơn vị chủ trì liên kết:

Vốn góp của các đơn vị tham gia liên kết:.....

Vốn tín dụng ưu đãi (nếu có):

Vốn lồng ghép thực hiện các chính sách (nếu có):.....

Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ các hộ dân thuộc đối tượng chương trình MTQG giảm nghèo:

3. Tổng vốn, kinh phí đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ:

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

- Năm 2024
- Năm 2025.....

IV. CAM KẾT: (*Tên đơn vị chủ trì liên kết*) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật.

V. TÀI LIỆU KÈM THEO (*danh mục các tài liệu gửi kèm bản sao công chứng giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập, văn bản chứng minh năng lực của đơn vị chủ trì liên kết, bản sao giấy chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.....*): /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

(ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

**TÊN ĐƠN VỊ
CHỦ TRÌ LIÊN KẾT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT
LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ****Phần I****GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT
THEO CHUỖI GIÁ TRỊ****I. TÊN DỰ ÁN:****II. CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN**1. Tên đơn vị chủ trì kết (*tên Doanh nghiệp, Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã*):

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

- Năng lực của đơn vị chủ trì liên kết:

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

a. Đơn vị tham gia liên kết thứ nhất

- Tên đơn vị tham gia liên kết (1):

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số:, ngày cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

- Năng lực của đơn vị tham gia liên kết:

b. Đơn vị tham gia liên kết thứ hai (nếu có)

- Tên đơn vị tham gia liên kết (2):
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số:, ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: Email:
- Năng lực của đơn vị tham gia liên kết:

3. Đối tượng liên kết (*cá nhân, hộ gia đình thuộc đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, các tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác*)

- a) Đại diện đối tượng liên kết:
- Người đại diện (được cử hoặc bầu ra):
- Địa chỉ:
- Điện thoại:.....Fax:E-mail

b) Số lượng đối tượng tham gia liên kết: người; trong đó:

- Đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo:.....người, chiếm.....% tổng số hộ tham gia dự án.

(Kèm theo danh sách ký xác nhận hoặc biên bản ký kết giữa chủ trì liên kết và người dân tham gia liên kết).

III. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

Căn cứ Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 26/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về nội dung, định mức hỗ trợ thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc Ban hành Quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2024 – 2025.

Phần II

NỘI DUNG DỰ ÁN

I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN:

1. Sự cần thiết thực hiện dự án:
2. Mục tiêu tổng quát:.....
3. Mục tiêu cụ thể (dự kiến số hộ thoát nghèo khi tham gia dự án).....
4. Thời gian triển khai:
5. Địa điểm, quy mô liên kết:

II. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN

1. Sản phẩm thực hiện liên kết:
2. Quy mô liên kết:
3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
4. Hình thức liên kết:
5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:
6. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.....
7. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị...).....

(ghi rõ Phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán chi tiết theo từng năm kế hoạch; các chỉ số đầu ra gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án, kế hoạch; nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia;....)

III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ:

Nội dung và chi phí hỗ trợ hộ gia đình hoặc người dân tham gia dự án:
.....

2. Thời gian và kinh phí hỗ trợ

a) Thời gian hỗ trợ *(chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có)*

b) Kinh phí hỗ trợ *(chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)*

3. Tổng kinh phí thực hiện dự án:.....

Trong đó:

Vốn của chủ trì liên kết:

Vốn tham gia của các đơn vị bên liên kết:.....

Vốn tín dụng ưu đãi cho các hộ dân tham gia dự án vay (nếu có):

Vốn lồng ghép thực hiện các chính sách (nếu có):.....

Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ các hộ dân thuộc đối tượng chương trình MTQG giảm nghèo:

Vốn của các hộ dân tham gia dự án:

4. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

Năm 2024

Năm 2025.....

5. Các hồ sơ gửi kèm :

IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Hiệu quả của dự án liên kết (kinh tế, môi trường, xã hội):

- Tạo việc làm cho người dân tham gia dự án;
- Nâng cao thu nhập cho người dân tham gia dự án;
- Khả năng đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

2. Tác động của dự án liên kết (các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục):.....

3. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết.....

4. Chế tài xử lý và giải pháp tài chính xử lý trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và trong trường hợp rủi ro (nếu có).....

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Đơn vị chủ trì liên kết ghi rõ kế hoạch cụ thể để thực hiện dự án liên kết.

Trong đó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết);

- Phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị, phương tiện ... phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước:

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì liên kết.....
2. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết.....
3. Trách nhiệm của hộ dân, cá nhân tham gia liên kết:
4. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết.....
5. Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện dự án:

III. KIẾN NGHỊ (Ngoài các nội dung nêu trên, đơn vị chủ trì dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế).

Kèm theo bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của đơn vị chủ trì liên kết.

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., tại.....,
..... chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Đơn vị tham gia liên kết thứ nhất:

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: Email:

2. Đơn vị tham gia liên kết thứ hai:

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: Email:

3. Đơn vị liên kết thứ ... :

(Thông tin cần làm rõ tương tự các đơn vị trên)

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

.....

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết:
2. Sản phẩm, dịch vụ thực hiện liên kết;.....
3. Quy mô liên kết:.....

4. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết;.....

III. VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Tổng vốn thực hiện dự án, kế hoạch:.....

2. Số vốn đề nghị hỗ trợ:.....

3. Đối ứng của các bên tham gia liên kết:.....

(Bao gồm cả vốn bằng tiền hoặc hiện vật của người dân tham gia liên kết được quy đổi thành tiền)

4. Các nguồn vốn khác:.....

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết *(ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)*:.....

2. Các cam kết cho trường hợp phát sinh sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án/kế hoạch liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thành bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ bản, chủ trì liên kết giữ bản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT 1

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT 2

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT 3

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT 4

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường

Kính gửi: *(tên UBND cấp huyện và cơ quan quản lý dự án liên kết).*

Đơn vị Chủ trì liên kết:

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:, Fax: E-mail:

Mã số thuế

Sản phẩm liên kết:

Loại hình liên kết:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực:

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỢP TÁC

V/v thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị
(giữa đơn vị chủ trì liên kết với các hộ dân tham gia dự án liên kết)

1. Đơn vị Chủ trì liên kết:

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:, Fax: E-mail:

Mã số thuế

Sản phẩm liên kết:.....

Loại hình liên kết:

2. Các hộ dân tham gia dự án gồm: *(ghi họ tên từng người đại diện cho từng hộ)*

.....

3. Nội dung hợp tác *(ghi rõ các nội dung: góp vốn thực hiện dự án bằng tiền hỗ trợ từ ngân sách cho mỗi hộ, bằng hiện vật hoặc bằng tiền của mỗi hộ dân (nếu có), hợp tác đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, dịch vụ, thu mua, tiêu thụ sản phẩm vv...)*

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung hợp tác trong biên bản này.
Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CÁC HỘ DÂN THAM GIA DỰ ÁN

(ký, ghi rõ họ tên từng người)

1

2

3

4

5

.....

Mẫu số 06

TÊN CƠ QUAN
BAN HÀNH QĐ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND Bình Dương, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất
liên kết theo chuỗi giá trị.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về nội dung, định mức hỗ trợ thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của UBND tỉnh Bình Dương về việc Ban hành Quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2024 – 2025;

Theo đề nghị của tại Tờ trình số /TTr-..... ngày tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trên địa bàn xã huyện giai đoạn 2024 - 2025, như sau:

1. Tên dự án.....

2. Tên đơn vị chủ trì kết (*tên Doanh nghiệp, Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã*):

3. Các bên tham gia liên kết

a) Tên đơn vị tham gia liên kết thứ nhất

b) Tên đơn vị tham gia liên kết thứ hai (nếu có)

c) Tên đơn vị tham gia liên kết (thứ n) (nếu có):

d) Đối tượng liên kết: *Đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo (Danh sách kèm theo).*

đ) Người Đại diện đối tượng liên kết (được cử hoặc bầu ra):

4. Địa bàn thực hiện

5. Thời gian thực hiện

6. Thời gian hỗ trợ vốn từ ngân sách (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có)

7. Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)

Tổng kinh phí thực hiện dự án:.....

Vốn ngân sách nhà nước:.....

Vốn của chủ trì liên kết:

Vốn tham gia của các đơn vị bên liên kết:.....

Vốn tín dụng ưu đãi (nếu có):

Vốn lồng ghép thực hiện các chính sách (nếu có):.....

Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ các hộ dân thuộc đối tượng chương trình MTQG giảm nghèo:

8. Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ:

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

Điều 2. Nội dung của dự án

1. Sản phẩm thực hiện liên kết:

2. Quy mô liên kết:

3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:

4. Hình thức liên kết:

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

Điều 3. Mức hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ, dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và thời điểm kết thúc dự án

Điều 4. Phương án mua sắm và đầu mối thực hiện mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có);

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có);

Điều 6. giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm (nếu có).

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của cơ quan quản lý dự án

2. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì liên kết.....

3. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết.....

4. Trách nhiệm của hộ dân, cá nhân tham gia liên kết:

5. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết.....

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HÀNH CHÍNH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC II
Mẫu hồ sơ hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
*(Kèm theo Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 20/9/2024
của UBND tỉnh Bình Dương)*

Mẫu số 01	Biên bản họp dân
Mẫu số 02	Bản cam kết của cá nhân, hộ gia đình tham gia dự án
Mẫu số 03	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
Mẫu số 04	Đơn đề nghị phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
Mẫu số 05	Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Mẫu số 01

UBND CẤP XÃ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Khu/ấp

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP DÂN

Hôm nay, vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng.....năm,
tại.....(ghi rõ địa điểm tổ chức họp) khu/ấp..... tổ chức họp
đề:.....(nêu mục đích cuộc họp).

1. Thành phần tham dự: (ghi rõ họ tên, chức danh người chủ trì, thư ký cuộc họp);
Thành phần tham gia (Đại diện UBND xã, các tổ chức, đoàn thể, số lượng đối tượng
tham gia).

- Đại diện UBND cấp xã:

Ông/Bà:.....Chức vụ:.....

Ông/Bà:.....Chức vụ:.....

- Khu/ấp:

Ông/Bà:.....Chức vụ: Trưởng khu/ấp (chủ trì cuộc họp).

Ông/Bà:.....(Thư ký cuộc họp).

Tổng số hộ dân tham dự họp:

2. Nội dung cuộc họp:

- Phổ biến dự án: Tên dự án, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất (hoặc dịch vụ) cộng
đồng; mức chi hỗ trợ dự án...

- Thông báo phương án thực hiện dự án, hỗ trợ của nhà nước, thống nhất về việc đóng
góp của thành viên tổ cộng đồng, đối ứng vốn bằng tiền hoặc ngày công/chuồng trại
vv..., cơ chế quay vòng vốn (nếu có).

- Thành lập tổ cộng đồng tham gia dự án: bầu ra tổ trưởng làm người đại diện, tổ phó
và các thành viên.

(Lưu ý: Thành lập tổ cộng đồng phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là
đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, trong đó ưu tiên
nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân là đối tượng thuộc hộ
nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách
mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo. Có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi).

Sau khi triển khai và thảo luận chúng tôi thống nhất thành lập tổ cộng đồng (tên
tổ cộng đồng) tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuấtdo ông
bà.....- Tổ trưởng làm đại diện.

Tổ cộng đồng.....gồm.....thành viên, có danh sách cụ thể như sau:

3. Danh sách thành viên tổ cộng đồng tham gia dự án:

STT	Tên thành viên tham gia dự án	Địa chỉ	Thuộc đối tượng (ghi rõ: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công cách mạng, hộ khác)	Số căn cước công dân/ngày cấp/nơi cấp	Nội dung đăng ký hỗ trợ	Kinh phí đề nghị hỗ trợ (triệu đồng)	Đối ứng của hộ (triệu đồng)	Ký xác nhận hoặc điểm chỉ	Ghi nhận

Cuộc họp kết thúc vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng.....năm..., nội dung cuộc họp đã được các thành viên dự họp thống nhất thông qua. Biên bản này được dùng làm căn cứ để xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (tên sự án sản xuất hoặc dịch vụ)...../.

Thư ký Đại diện tổ cộng đồng Đại diện UBND cấp xã Chủ trì

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàythángnăm 2024

**BẢN CAM KẾT CỦA HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA DỰ ÁN HỖ TRỢ
PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**

1. Họ và tên chủ hộ:.....
2. Địa chỉ:
3. Số CCCD/CMND:, do cơ quan công an.....cấp, ngày.....
tháng.....năm 20.....
4. Số điện thoại:.....

TÔI XIN CAM KẾT NHƯ SAU:

1. Tự nguyện, tích cực tham gia thực hiện vào các nội dung của Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2. Đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án.
3. Cam kết đảm bảo phần đối ứng của gia đình tham gia thực hiện dự án và thực hiện nộp tiền quay vòng vốn theo phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền.
4. Nếu vi phạm cam kết, Tôi xin chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Cam kết này được lập thành 03 bản có giá trị như nhau. UBND xã giữ 01 bản; Tổ trưởng, nhóm trưởng giữ 01 bản, cá nhân giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
(TỔ TRƯỞNG)
(ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN HỘ THAM GIA
(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03

TÊN TỔ CỘNG ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**

.....

1. Đại diện cộng đồng:.....

- Họ và tên:

- Số căn cước công dân.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:.....Fax.....Email:.....

- Số tài khoản:....., tại Ngân hàng:.....

2. Mục tiêu dự án:

Tạo việc làm, tăng thu nhập, dự kiến số hộ thoát nghèo sau khi tham gia.....

3. Đối tượng tham gia

Sơ lược về tình hình chung của tổ cộng đồng (quá trình thành lập, tình hình kinh tế của các thành viên, các đối tượng tham gia, số hộ nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo).....

4. Thời gian triển khai:.....

5. Địa bàn thực hiện:

6. Các hoạt động của dự án

a. Kỹ thuật thực hiện dự án (ví dụ tên giống cây trồng, vật nuôi, yêu cầu chất lượng, số lượng hỗ trợ, các loại vật tư vật liệu, phương tiện, thiết bị cần thiết, quy trình kỹ thuật áp dụng ...để thực hiện dự án sản xuất, dịch vụ)

b. Công tác chuẩn bị

- Các đối tượng tham gia dự án:

TT	Họ tên	Địa chỉ	Hỗ trợ của nhà nước	Đối ứng (tiền hoặc hiện vật, ngày công quy đổi thành tiền)	Đăng ký vay vốn ngân hàng CSXH

- Đất đai:
- Cung ứng cây, con giống:
- Cung ứng vật tư, phương tiện, máy móc:
- Lao động:
- Tập huấn, hướng dẫn:

7. Kinh phí dự kiến thực hiện dự án

Triệu đồng

TT	Nội dung (chi tiết nội dung dự án)	Tổng dự toán				Nguồn kinh phí			
		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ngân sách nhà nước hỗ trợ	Đổi ứng bằng tiền hoặc hiện vật, ngày công	Vay từ NHCS	Nguồn khác
1									
2									
Tổng kinh phí									

8. Thu hồi một phần vốn quay vòng:

- Tỷ lệ thu hồi
- Mức thu hồiđồng/hộ;
- Thời gian thu hồi:
- Gia hạn thời gian thu hồi (nếu có):
- Phương thức thu hồi:

9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả đạt được theo năm ngân sách và thời điểm kết thúc; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị phối hợp:

- Giải quyết việc làm:.....
- Nâng cao thu nhập cho hộ:

- Số hộ thoát nghèo dự kiến:

10. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm:

11. Tổ chức thực hiện dự án

- Nêu rõ phương thức tổ chức thực hiện:

- Kế hoạch, tiến độ thực hiện (*nêu cụ thể*):.....

- Trách nhiệm của các đối tượng tham gia dự án:

12. Đề xuất, kiến nghị:

V. CAM KẾT THỰC HIỆN

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung của Dự án theo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực:.....

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....ngàythángnăm 2024

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

TỔ TRƯỞNG

(*ký, ghi rõ họ tên*)

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....ngàythángnăm 2024

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Kính gửi: (tên UBND cấp huyện và Cơ quan quản lý dự án)...

Căn cứ Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về nội dung, định mức hỗ trợ thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của UBND tỉnh Bình Dương về việc Ban hành Quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2024 – 2025;

Căn cứ biên bản họp khu phố/ấp Xã/phường ngày tháng năm

I. THÔNG TIN VỀ CỘNG ĐỒNG ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

Tên cộng đồng dân cư :

Người đại diện (Tổ trưởng Tổ cộng đồng):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Căn cứ chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, (Tên cộng đồng dân cư) đề nghị (UBND huyện/thành phố) hỗ trợ thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất/dịch vụ như sau:

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án (hoặc phương án):

2. Địa bàn thực hiện:

3. Số hộ tham gia:

4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

III. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ VỐN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Nội dung đề nghị hỗ trợ:

.....
.....

2. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ.....

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

IV. CAM KẾT: (ghi tên tổ cộng đồng dân cư) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia dự án (hoặc phương án) theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Cam kết thực hiện thu hồi bằng tiền phần vốn hỗ trợ từ ngân sách khi đến thời hạn thu hồi theo phê duyệt dự án/phương án của cấp có thẩm quyền.

5. Chấp hành đúng quy định của pháp luật.

V. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm như biên bản họp dân, bản cam kết của các hộ gia đình, dự án... :/.

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

(TỔ TRƯỞNG)

(Ký, ghi họ tên)

Mẫu số 05

**TÊN CƠ QUAN
BAN HÀNH QĐ****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND Bình Dương, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;**Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;**Căn cứ Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm /2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;**Căn cứ Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về nội dung, định mức hỗ trợ thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;**Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của UBND tỉnh Bình Dương về việc Ban hành Quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2024 – 2025;**Theo đề nghị của tại Tờ trình số /TTr-..... ngày tháng ... năm,***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn xã/phường.....huyện/thành phố giai đoạn 2024 - 2025, như sau:****1. Tên dự án.....**

2. Đại diện cộng đồng:
 3. Đối tượng tham gia dự án: *(Danh sách kèm theo)*.
 4. Địa bàn thực hiện.....
 5. Thời gian thực hiện.....
 6. Thời gian hỗ trợ vốn từ ngân sách (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có)
 7. Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)
- Tổng kinh phí thực hiện dự án:.....
- Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ các hộ dân thuộc đối tượng CT MTQGNN:
- Vốn tín dụng ưu đãi (nếu có):
- Vốn lồng ghép thực hiện các chính sách (nếu có):.....
8. Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ:
- Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

Điều 2. Nội dung, hoạt động của dự án.....

Điều 3. Mức hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ, dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và thời điểm kết thúc dự án.....

Điều 4. Phương án mua sắm và đầu mối thực hiện mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có).....

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có)

Điều 6. Mức quay vòng vốn.....

Điều 7. giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm (nếu có).....

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của cơ quan quản lý dự án.....
2. Trách nhiệm của địa phương nơi có dự án, trách nhiệm của cộng đồng thực hiện dự án.....
3. Trách nhiệm hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án.....

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Nơi nhận

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HÀNH CHÍNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:1601/QĐ-UBND

Bến Cát, ngày 05 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế tiếp công dân
tại Trụ sở tiếp công dân thành phố Bến Cát

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Tổ cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân;

Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tổ cáo;

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân;

Căn cứ Quyết định số 3033/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát (nay là thành phố Bến Cát) về việc thành lập Ban Tiếp công dân thị xã (nay là thành phố);

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra thành phố tại Tờ trình số 29/TTr-TTr ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc phê duyệt quyết định sửa đổi bổ sung Quy chế tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân thành phố; Quy chế làm việc của Ban Tiếp công dân; Nội quy tiếp công dân.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tiếp công dân tại Trụ sở Tiếp công dân thành phố Bến Cát.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố Bến Cát) về việc ban hành Quy chế tiếp công dân tại Trụ sở Tiếp công dân thành phố Bến Cát.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Chánh Thanh tra thành phố, Trưởng Ban Tiếp Công dân thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH
Đã ký: Nguyễn Trọng Ân

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tiếp công dân tại Trụ sở Tiếp công dân thành phố Bến Cát

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1601/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2024 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Bến Cát)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, phương thức và trách nhiệm phối hợp giữa Ban Tiếp công dân thành phố với Văn phòng Thành ủy, Ủy ban Kiểm tra Thành ủy và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong hoạt động tiếp công dân tại Trụ sở Tiếp công dân thành phố; phục vụ công tác tiếp công dân của lãnh đạo Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố tại Trụ sở tiếp công dân thành phố Bến Cát.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị), người đứng đầu cơ quan, đơn vị và người tiếp công dân.

2. Người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đến trình bày trực tiếp tại Trụ sở tiếp công dân thành phố.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác tiếp công dân.

Điều 3. Mục đích tiếp công dân

1. Hướng dẫn công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đúng quy định pháp luật, góp phần tuyên truyền, phổ biến pháp luật.

2. Tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền giải quyết của người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động và phối hợp tiếp công dân

1. Việc tiếp công dân phải bảo đảm công khai, dân chủ, kịp thời; thủ tục đơn giản, thuận tiện; bảo đảm khách quan, không phân biệt đối xử trong khi tiếp công dân; tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật.

2. Hoạt động phối hợp thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân phải tuân thủ theo chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Hoạt động phối hợp giữa Ban Tiếp công dân thành phố với Văn phòng Thành ủy, Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các Ủy ban nhân dân xã, phường có liên quan thực hiện với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

4. Đảm bảo tính kỷ luật, kỷ cương trong công tác phối hợp, đề cao trách nhiệm cá nhân của thủ trưởng cơ quan, cơ quan phối hợp và cán bộ, công chức tham gia phối hợp thực thi pháp luật về khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định.

Điều 5. Phương thức phối hợp

1. Cung cấp thông tin tài liệu có liên quan đến việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, cung cấp, trao đổi thông tin về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh phải kịp thời, nội dung thông tin, tài liệu phải đảm bảo tính pháp lý, đáp ứng yêu cầu công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân.

2. Tham gia tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân có liên quan đến lĩnh vực ngành, địa phương mình quản lý.

3. Phối hợp, hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; tham mưu giải quyết kịp thời các vụ việc về khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật.

4. Phối hợp phục vụ tốt cho lãnh đạo thành phố tiếp công dân định kỳ và đột xuất về nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân.

Chương II

TỔ CHỨC TIẾP CÔNG DÂN

Điều 6. Địa điểm tiếp công dân

Việc tiếp công dân thường xuyên và định kỳ được thực hiện tại Trụ sở tiếp công dân thành phố Bến Cát. Địa chỉ: Đường 30/4, phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điều 7. Thời gian tiếp công dân vào các ngày làm việc trong tuần

- Buổi sáng: từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30.
- Buổi chiều: từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00.

Điều 8. Tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân thành phố

1. Tiếp công dân định kỳ

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì tiếp công dân ít nhất mỗi tháng 02 ngày.

- Thành phần tham gia tiếp công dân định kỳ tại Trụ sở Tiếp công dân thành phố gồm lãnh đạo: Văn phòng Thành ủy, Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, Thanh tra thành phố, phòng Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm phát triển quỹ đất, phòng Quản lý đô thị, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố phối hợp với Ban Tiếp công dân thành phố tham gia tiếp công dân định kỳ của lãnh đạo Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố vào ngày thứ năm hàng tuần (trừ trường hợp trùng vào ngày nghỉ lễ, Tết).

Mời lãnh đạo tham gia tiếp công dân định kỳ: Hội Nông dân, Hội phụ nữ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố.

- Lãnh đạo chủ trì buổi tiếp công dân định kỳ xem xét nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân trình bày và thực hiện việc tiếp công dân như sau:

Nghe công dân trình bày nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và hướng dẫn, trả lời cho công dân theo quy định của pháp luật.

-Ban Tiếp công dân có trách nhiệm làm đầu mối tham mưu dự thảo trình ký ban hành Thông báo kết luận chỉ đạo của lãnh đạo chủ trì ngày tiếp công dân định kỳ. Thông báo kết luận chỉ đạo, thời gian chậm nhất là 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp công dân; Thông báo kết luận ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố thì Trưởng ban Tiếp công dân thành phố thừa lệnh Chủ tịch ký và đóng dấu ban hành; Thông báo kết luận ý kiến chỉ đạo của Thường trực Thành ủy thì Lãnh đạo Văn phòng Thành ủy thường lệnh Ban Thường vụ Thành ủy ký và đóng dấu ban hành.

2. Tiếp công dân đột xuất

Việc tiếp công dân đột xuất thực hiện trong các trường hợp sau đây:

Vụ việc khó khăn, phức tạp, kéo dài có nhiều người tham gia, liên quan đến trách nhiệm của nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc ý kiến của các cơ quan, tổ chức, đơn vị còn khác nhau. Trường hợp vụ việc nếu không chỉ đạo, xem xét kịp thời có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng hoặc có thể dẫn đến hủy hoại tài sản của Nhà nước, của tập thể, xâm hại đến tính mạng, tài sản của nhân dân, ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì tiếp công dân đột xuất. Trong trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố vắng, hoặc không thể tiếp công dân đột xuất thì ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì tiếp. Thành phần tham gia tiếp công dân đột xuất do người chủ trì quyết định; Ban Tiếp công dân có trách nhiệm thông báo trực tiếp với Thủ trưởng của các cơ quan có liên quan tham gia tiếp công dân đột xuất.